TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày: 05 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.
2. Ông Đào Văn Rạng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2018/TLST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Mai Văn Th - Sinh ngày 14/7/1989 tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Đội 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; Họ và tên cha: Không xác định; con bà Mai Thị T, sinh năm 1959, hiện làm ruộng tại đội 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1989, hiện làm ruộng tại đội 15, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có 01 con, sinh năm 2013; tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*; ngày 16/9/2017, Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Nhân thân: Ngày 16/5/2008, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Bị cáo Mai Văn Th bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/5/2018 đến ngày 11/5/2018 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

* *Người bị hại*: Bà Lê Thị K, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Anh Dương Văn M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ, ngày 02/5/2018, Mai Văn Th đến Trung tâm y tế huyện N với mục đích thấy ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 12 giờ 15 phút, Th đi đến phòng cấp cứu số 3, tầng 1 tòa nhà 3 tầng của Trung tâm y tế huyện N thấy cửa mở, Th vào phòng nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VEGA SKY A870 vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng, có số sim 01677.502.295 của bà Lê Thị K để ở trên giường cạnh bà K đang nằm ngủ, Th đến cầm chiếc điện thoại của bà K cho vào túi quần bên trái phía trước và đi ra ngoài. Sau đó Mai Văn Th đi lên tầng 2, tầng 3 tiếp tục tìm tài sản để trộm cắp nhưng không trộm cắp được. Quá trình xác minh: Cơ quan Công an đã thu giữ của Mai Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu VEGA SKY A870 là điện thoại Th vừa trộm cắp của bà Lê Thị K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 2120 màu đen đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân.

Tại bản kết luận định giá số 13/HĐ-ĐGTS, ngày 09/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VEGA SKY A870 vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng có giá là 700.000 đồng.

Bản cáo trạng số 40/CT - VKSNH ngày 11/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Mai Văn Th về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Mai Văn Th từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chưng; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Mai Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người người bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại Phòng cấp cứu số 3, tầng 1, tòa nhà 3 tầng của Trung tâm y tế huyện N tại xã N, huyện N, Mai Văn Th có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VEGA SKY A870 vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng có số sim 01677.502.295, của bà Lê Thị K có giá trị 700.000 đồng.

Khoản 1 Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"... b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"*.

Mặc dù tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trị giá dưới 2.000.000 đồng, bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xoá án tích mà còn tiếp tục phạm tội. Như vậy, đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu

trong nhân dân ở khu vực. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là người không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VEGA SKY A870 vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng có số sim 01677502295, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho bà Lê Thị K là chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Mai Văn Th, sinh năm 1989, cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 2120 vỏ màu đen, đã qua sử dụng có số sim 0919893953 thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Bị cáo Mai Văn Th phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là tương đối phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1]. Tuyên bố bị cáo Mai Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản";

[2]. Xử phạt bị cáo Mai Văn Th 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2018.

[3]. Tuyên trả lại bị cáo 01 thẻ căn cước công dân mang tên Mai Văn Th, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 2120 vỏ màu đen, đã qua sử dụng có số sim 0919893953 nhưng giữ lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL 2120 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2018 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[4]. Buộc bị cáo Mai Văn Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND xã T, huyện T;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.